

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 810/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ

2. Bà Phan Thị Mai Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2723/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989

Địa chỉ: số G Tỉnh lộ 43, Khu phố C, phường B, thành phố T (nay là Khu phố C, phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Danh Út M, sinh năm 1998

Địa chỉ: số G Tỉnh lộ 43, Khu phố C, phường B, thành phố T (nay là Khu phố C, phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Danh Út M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau, theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2020 ngày 20/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do không còn hòa hợp về tính cách. Ông M không chia sẻ trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung với bà. Mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, ông M không thay đổi cách sống nên vợ chồng xảy ra xung đột, tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau. Đến nay vợ chồng đã ly thân, cả hai không còn tình cảm yêu thương và tôn trọng lẫn nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Danh Út M.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Danh Ngọc Cát T, sinh ngày 28/02/2022. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 9 năm 2025 bị đơn ông Danh Út M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Ngọc L đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do không còn hòa hợp về suy nghĩ, thường xảy ra cãi vã. Ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà L nên không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Danh Ngọc Cát T, sinh ngày 28/02/2022. Do ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tòa án đã triệu tập ông D Út Mót đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc L và ông Danh Út M vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Danh Út Mót cư trú tại địa chỉ số G Tỉnh lộ 43, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh; được pháp luật quy định

tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện, bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu được ly hôn với ông Danh Út M, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã viết bản tự khai trình bày ý kiến và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên bà L, ông M cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Nguyễn Ngọc L và ông Danh Út M có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2020 ngày 20/7/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M đã xảy ra những mâu thuẫn do không có sự hoà hợp về tính cách và khác biệt về suy nghĩ, cách sống. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong thời gian dài nên đến nay không còn khả năng xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông M trình bày mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng trong thời gian qua không thể hiện được thiện chí, không tạo được niềm tin đối với bà L. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Con chung: Căn cứ lời khai của bà L, ông M phù hợp với Bản sao giấy khai sinh số 96/2022 ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà L và ông M có một con chung, Danh Ngọc Cát T, sinh ngày 28/02/2022. Bà L có yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ông M không đồng ý ly hôn, tuy nhiên không có ý kiến phản đối việc giao con cho bà L nuôi dưỡng. Xét con chung hiện nay đang sinh sống với bà L, để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ nên giao cho bà L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L được ly hôn với ông Danh Út M.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2020 ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Ngọc Cát T, sinh ngày 28/02/2022 cho bà Nguyễn Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Ngọc L không yêu cầu ông Danh Út M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0001968 ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND xã U, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu